

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS- THPT HỒNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64/CV-HH.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4. năm 2026

V/v kê khai giá
dịch vụ giáo dục

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông báo số 215/TB-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Trường THCS – THPT Hồng Hà gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ giáo dục (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 20/4 / 2026

Trường THCS-THPT Hồng Hà xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hà Thị Kim Sa

- Họ tên người nộp Văn bản:..Hà Thúc Trung Kiên
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:170 Quang Trung – P.Gò Vấp – TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc:..0908728010
- Email: trungkien.hongha@gmail.com

Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá : Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

1. Mức giá kê khai (đơn vị tính: đồng/học sinh/năm học):

STT	Tên dịch vụ giáo dục	Đơn vị tính	Mức giá kê khai năm học 2025-2026	Mức giá kê khai năm học 2026-2027	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Thuyết minh về việc tăng/giảm giá
I	Mức thu học phí	VND					
1	Lớp 6	VND	1.980.000	2.178.000	198.000	10%	Do phí sinh hoạt tăng
2	Lớp 7	VND	2.640.000	2.904.000	264.000	10%	Do phí sinh hoạt tăng
3	Lớp 8	VND	2.860.000	3.146.000	286.000	10%	Do phí sinh hoạt tăng
4	Lớp 9	VND	3.080.000	3.388.000	308.000	10%	Do phí sinh hoạt tăng
5	Lớp 10	VND	3.170.000	3.487.000	317.000	10%	Do phí sinh hoạt tăng
6	Lớp 11	VND	3.520.000	3.872.000	352.000	10%	Do phí sinh hoạt tăng
7	Lớp 12	VND	3.850.000	4.235.000	385.000	10%	Do phí sinh hoạt tăng
II	Giá dịch vụ khác						
1	Phí Bán trú 6	VND	682.000	784.000	102.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
2	Phí Nội trú 6	VND	2.160.000	2.484.000	324.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
3	Phí Bán trú 7	VND	682.000	784.000	102.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
4	Phí Nội trú 7	VND	2.160.000	2.484.000	324.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
5	Phí Bán trú 8	VND	682.000	784.000	102.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
6	Phí Nội trú 8	VND	2.160.000	2.484.000	324.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng

7	Phí Bán trú 9	VND	682.000	784.000	102.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
8	Phí Nội trú 9	VND	2.160.000	2.484.000	324.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
9	Phí Bán trú 10	VND	682.000	784.000	102.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
10	Phí Nội trú 10	VND	2.160.000	2.484.000	324.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
11	Phí Bán trú 11	VND	682.000	784.000	102.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
12	Phí Nội trú 11	VND	2.160.000	2.484.000	324.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
13	Phí Bán trú 12	VND	682.000	784.000	102.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng
14	Phí Nội trú 12	VND	2.160.000	2.484.000	324.000	15%	Do phí sinh hoạt tăng

2. Mức thu học phí **không bao gồm** (giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gồm giá dịch vụ tuyển sinh; giá các dịch vụ hỗ trợ trong hoạt động giáo dục và đào tạo (bán trú, nội trú, ...)).

3. Đề nghị các đơn vị tách riêng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác (vd: tuyển sinh, nội trú, bán trú, ...) để thực hiện kê khai theo mẫu trên.

4. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ giáo dục trong việc thực hiện kê khai giá.

5. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện khác kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 20/04 /2026

Ghi chú: Mức giá kê khai là mức giá dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá dịch vụ giáo dục.